

ĐẶC ĐIỂM PHÂN LOẠI CHI RAU DỪA NƯỚC (*Ludwigia* L.) Ở VIỆT NAM

TRẦN THỊ HƯƠNG, HÀ MINH TÂM

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

ĐỖ THỊ XUYẾN

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chi Rau dừa nước (*Ludwigia* L.) thuộc họ Rau dừa (Onagraceae Juss.) có 75 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Ở Việt Nam, chi này hiện biết có 6 loài.

Cho đến nay, đã có một số công trình đề cập đến chi Rau dừa nước ở Việt Nam nhưng vẫn chưa đầy đủ và thật sự có hệ thống. Do đó, cần có một công trình nghiên cứu phân loại chuyên sâu và đầy đủ để thống nhất, phục vụ trực tiếp việc biên soạn bộ sách Thực vật chí Việt Nam về họ Rau dừa (Onagraceae Juss.) và cho những nghiên cứu có liên quan.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Gồm tất cả các taxon thuộc chi Rau dừa nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam, dựa trên cơ sở là tư liệu và mẫu nghiên cứu gồm 52 số hiệu mẫu với 117 tiêu bản thuộc chi Rau dừa nước (*Ludwigia* L.) của Việt Nam, được lưu giữ tại phòng tiêu bản thực vật Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN) và các mẫu vật ở trạng thái sống trong quá trình điều tra thực địa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các nội dung nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp Hình thái so sánh, theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Việc thu thập mẫu vật được tiến hành trên phạm vi khắp cả nước. Công tác định loại được tiến hành tại Phòng Thực vật (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) và Phòng Thí nghiệm Thực vật học (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm nhận biết chi Rau dừa nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam

LUDWIGIA L.-RAU DỪA NƯỚC

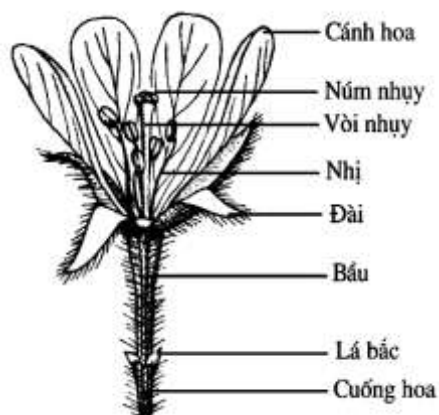
L. 1753. Sp. Pl. 1: 118; DeCandolle, 1828. Prodr. Systematis Naturalis. 3: 58; Benth. & Hook. f. 1867. Gen. Pl. 1: 788; Back. & Bakh. f. 1963. Fl. Jav. 1: 261; 1968. 3: 644; Vu Van Cuong & J. E. Vidal, 1973. Fl. Camb. Laos Vietn. 14: 18; Raven, 1977. Fl. Males. 8 (2): 99; Phamh. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 68; Heywood, 1996. Flowering plants of the world. 162; Chen Jiarui, 2008. Fl. China. 13: 400.-*Jussiaea* L. 1753. Sp. Pl. 1: 368; Benth. & Hook. f. 1867. Gen. Pl. 1: 788; Gagnep. 1921. Fl. Gen. Indoch. 985; Back. & Bakh. f. 1963. Fl. Jav. 1: 260.-*Cubospermum* Lour. 1790. Fl. Cochinch. 275.-*Rau mương*.

Cỏ một hoặc nhiều năm, gốc thường hóa gỗ, ít khi là cỏ thủy sinh với phao xốp màu trắng; phần non không hoặc có lông. Lá đơn, mọc cách, thường hình thuôn, mép hầu hết nguyên, gân hình mạng lông chim. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, lưỡng tính. Đài hợp thành ống dính với bầu, xẻ 4-5 (-6) thùy, tồn tại ở quả. Cánh hoa bằng số lá đài, màu trắng hoặc vàng, tiền khai vắn;

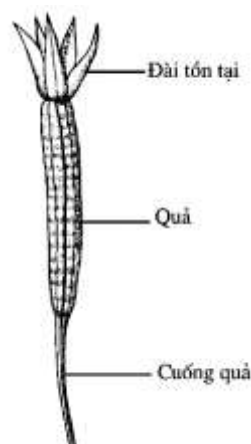
hình bầu dục đến trứng ngược hoặc hình thìa. Nhị đẳng số hoặc gấp đôi số thùy đài; bao phấn đính lưng nhưng đôi khi bờ ngoài đính gốc; hạt phân đơn hoặc bộ bốn. Bộ nhụy gồm 4 lá noãn hợp thành bầu hạ 4 ô, rất hiếm khi nhiều hơn; mỗi ô chứa nhiều noãn đính trụ giữa; núm nhụy dạng cầu. Quả nang, hình dài dẹp hoặc hình trụ, thường có cạnh và lông. Hạt nhiều, hình tròn hoặc hình trứng ngược hay hình bầu dục, đính trực tiếp vào vỏ quả hoặc vào giá noãn.

Typus: *Ludwigia alternifolia* L.

Có 75 loài, chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới trên thế giới. Việt Nam có 6 loài.



Hình 1. Sơ đồ cấu tạo hoa



Hình 2. Sơ đồ cấu tạo quả

2. Khóa định loại các loài thuộc chi Rau dừ nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam

- 1A. Cỏ thủy sinh nổi hoặc bám vào bùn, có rễ phao trắng, xốp 1. *L. adscendens*
- 1B. Cỏ trên cạn, thân đứng, phần gốc thường hóa gỗ.
- 2A. Nhị gấp đôi số thùy đài.
- 3A. Đài có 3 gân, cánh hoa dài 6-17mm, chóp cánh hoa lõm, hạt tròn, 2 rãnh 2. *L. octovalvis*
- 3B. Đài không có gân, cánh hoa dài 2-3mm, chóp cánh hoa tròn, hạt hình trứng ngược, nhiều rãnh..... 3. *L. hyssopifolia*
- 2B. Nhị bằng số thùy đài.
- 4A. Hạt dài 0,8-1,4mm, đính trực tiếp vào vỏ quả 4. *L. epilobioides*
- 4B. Hạt dài 0,3-0,6mm, đính vào giá noãn.
- 5A. Thân non có lông, chóp cánh hoa lõm, mỗi ô có 2-nhiều hàng hạt 5. *L. perennis*
- 5B. Thân không có lông, chóp cánh hoa tròn, mỗi ô có 1 hàng hạt..... 6. *L. prostrata*

3. Phân bố, sinh thái và giá trị tài nguyên chi Rau dừ nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam

Phân bố và sinh thái: Các đại diện thuộc chi Rau dừ nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam là những cây hoang dại phổ biến, chúng thường sống ở vùng đất ẩm, đầm lầy, ruộng hoang, ven sông suối, ở độ cao lên đến 1500m rải rác khắp cả nước. Mùa hoa quả rải rác quanh năm, nhưng chủ yếu tháng 3-6.

Giá trị tài nguyên: Chi Rau dừ nước ở Việt Nam chỉ có 6 loài. Tuy các loài đều là những thực vật có sinh khối không lớn, nhưng chúng có vai trò quan trọng trong các hệ sinh thái nông

nghiệp. Trong đó, có tới 5 loài được ghi nhận là làm thuốc để chữa nhiều bệnh khác nhau, 2 loài được dùng làm rau ăn cho con người và 5 loài làm thức ăn cho gia súc.

III. KẾT LUẬN

Chi Rau dứa nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam hiện biết có 6 loài, phân bố rải rác khắp cả nước. Trong đó, có tới 5 loài được dùng làm thuốc, 2 loài làm rau ăn cho con người và 5 loài làm thức ăn cho gia súc. Chúng tôi đã tiến hành xây dựng bản mô tả đặc điểm nhận biết chi, cung cấp các thông tin tóm tắt về phân bố, sinh thái và giá trị tài nguyên, xây dựng khóa định loại cho 6 loài thuộc chi Rau dứa nước (*Ludwigia* L.) ở Việt Nam.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ về tư liệu nghiên cứu và điều kiện nghiên cứu của PGS.TS. Nguyễn Khắc Khôi, PGS.TS. Vũ Xuân Phương, TS. Dương Đức Huyền và các đồng nghiệp tại Phòng Thực vật học-Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật; các nhà khoa học và các đồng nghiệp làm việc tại các phòng tiêu bản thực vật thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trường Đại học Khoa học tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Sinh học nhiệt đới thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bản, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 933-934.
2. Backer C. A. & C. R. Bakhuizen, 1963. Flora of Java. The Netherlands, vol. 1: 261.
3. Võ Văn Chi, 2003. Từ điển thực vật thông dụng. NXB. KHKT, Hà Nội, tập 1: 1609-1612.
4. Gagnepain F., 1921. Supplément à la Flore Générale de l'Indo-Chine, Paris, p. 985-989.
5. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh, tập 2: 67-69.
6. Raven, 1977. Flora Malesiana. The Netherlands, vol. 8 (2): 99-107.
7. Tardieu-Blotm. L., 1975. Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam. Paris, tome 14: 18- 31.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 171 trang.

TAXONOMICAL CHARACTERISTICS OF *Ludwigia* L. IN VIETNAM

TRAN THI HUONG, HA MINH TAM, DO THI XUYEN

SUMMARY

Genus *Ludwigia* L. (Onagraceae Juss.) has 75 species, widespread distributed in tropical and subtropical regions of the world, on different kinds of soil. In Vietnam, the *Ludwigia* has 6 species. In this article, we described characteristics of genus *Ludwigia* in Vietnam, added information of distribution, habitat, ecology and use of this genus in Vietnam, and established diagnostic key to the 6 species of *Ludwigia* in flora of Vietnam.